

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS
DAMAC JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 1004B/2021/DAMAC/CV
V/v: CBTT BCTC hợp nhất năm 2020 đã
kiểm toán kèm giải trình chênh lệch số liệu

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2021
Ha Noi, day 10 month 04 year 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDC TP.HN**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND HANOI
STOCK EXCHANGE'S PORTAL**



In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.

.....
Lý do/ Reason:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 10/04/2021 tại đường dẫn: <http://damac.com.vn/>

This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date 10/04/2021 Available at: <http://damac.com.vn/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation.

Tài liệu đính kèm/

Attachment:

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT / Documents related to the disclosure

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hàng Trọng Khánh





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

SVA SVA SVA SVA SVA S
A SVA SVA SVA SVA SVA

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Số 41, Ngõ 62, Trần Bình, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 024 3763 4618 Fax: 024 3763 4617

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống
Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damac GLS (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Damac GLS (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH và Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản HAMICO) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700189368 ngày 13/09/2000 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Từ khi đi vào hoạt động đến nay Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh 23 lần, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 05/09/2019. Theo đó các thông tin về Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 575.096.750.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 : 575.096.750.000 VND

Trụ sở chính tại: Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến đá; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình; Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Mua bán thực phẩm nông sản...

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
<i>Công ty Cổ phần DAMAC GREEN</i>	<i>Đường Nguyễn Chí Thanh, Tổ 4, Phường Phan Xi Păng, Thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam</i>	<i>80,00%</i>	<i>80,00%</i>	<i>80,00%</i>	<i>80,00%</i>

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 lỗ 60.670.845.284 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2019 lợi nhuận sau thuế lỗ 38.024.557.620 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2020 âm 72.046.895.738 VND (Tại thời điểm 31/12/2019 lợi nhuận chưa phân phối âm 19.622.847.940 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống
Đa, Thành phố Hà Nội

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Văn Long	Chủ tịch
Bà Tạ Thu Thủy	Ủy viên
Bà Mai Thúy Hằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2019, miễn nhiệm ngày 20/02/2020)
Ông Hoàng Việt	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2019)
Ông Hoàng Trọng Khánh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/08/2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Long	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/08/2020)
Ông Hoàng Trọng Khánh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/08/2020)
Ông Nguyễn Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/08/2019)

Ban Kiểm soát

Bà Đinh Thị Khánh Ly	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2019)
Ông Vũ Thanh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/07/2019)
Bà Lê Thị An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/08/2020)

Kế toán trưởng

Bà Đường Thị Thu Giang	Phụ trách kế toán (bổ nhiệm ngày 18/02/2020)
------------------------	--

Đại diện pháp luật

Ông Hoàng Trọng Khánh	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

Trụ sở: 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-28) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn
Văn phòng tại Hà Nội: Số 41, ngõ 62 Trần Bình, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-24) 3763 4618 Fax: (84-24) 3763 4617

Số: 16-2021/BCKT-TC/2021/SVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Damac GLS, được lập ngày 10/03/2021, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Damac GLS tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

Phó Giám đốc



Nguyễn Phương Lan Anh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:

0673-2018-107-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2021

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Hoa

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:

2325-2019-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLSSố 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số: B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		526.245.304.535	586.648.344.597
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.435.413	68.083.299
Tiền	111		37.435.413	68.083.299
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.4	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		526.115.069.272	586.507.132.263
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	58.532.578.125	60.457.676.845
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	28.504.575.220	28.384.575.234
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	538.819.669.832	537.653.073.294
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(99.741.753.905)	(39.988.193.110)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	-	1.112.702
Hàng tồn kho	141		-	1.112.702
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		92.799.850	72.016.333
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.017.022	1.792.542
Thuế GTGT được khấu trừ	152		90.782.828	70.223.791
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.032.778,00	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	-	-
- Nguyên giá	222		-	41.544.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(41.544.364)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.032.778,00	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.032.778,00	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		526.246.337.313	586.648.344.597

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số: B01a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.874.723.550	16.605.885.550
I. Nợ ngắn hạn	310		16.874.723.550	16.605.885.550
Phải trả người bán ngắn hạn	311		15.226.925.000	15.226.925.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.374.865.350	1.374.865.350
Phải trả người lao động	314		28.838.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	240.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	4.095.200	4.095.200
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		509.371.613.763	570.042.459.047
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	509.371.613.763	570.042.459.047
Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(72.046.895.738)	(19.622.847.940)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		(19.622.847.940)	18.401.709.680
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(52.424.047.798)	(38.024.557.620)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.321.759.501	14.568.556.987
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		526.246.337.313	586.648.344.597

Người lập biểu

Đường Thị Thu Giang

Đường Thị Thu Giang

Phụ trách kế toán

Đường Thị Thu Giang

Đường Thị Thu Giang

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Hoàng Trọng Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Mẫu số: B02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.172.005	60.548.273.382
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.172.005	60.548.273.382
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.112.702	60.174.369.394
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		59.303	373.903.988
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	32.047	36.962
Chi phí tài chính	22	VI.4		(2.523.562.783)
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	60.667.810.474	40.831.742.843
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(60.667.719.124)	(37.934.239.110)
Thu nhập khác	31	VI.5	100.000	432.966
Chi phí khác	32	VI.6	3.226.160	90.751.476
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.126.160)	(90.318.510)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(60.670.845.284)	(38.024.557.620)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(60.670.845.284)	(38.024.557.620)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(52.424.047.798)	(37.593.114.607)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(8.246.797.486)	(431.443.013)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(1.055)	(661)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu

Đường Thị Thu Giang

Đường Thị Thu Giang

Phụ trách kế toán

Đường Thị Thu Giang

Đường Thị Thu Giang

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2021



Hoàng Trọng Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Mẫu số: B03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(60.670.845.284)	(38.024.557.620)
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		59.753.560.795	37.299.487.327
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(132.047)	(36.964)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(917.416.536)	(725.107.257)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		617.943.159	(285.526.448.026)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.112.702	393.227.298
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		268.838.000	96.772.681.435
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1.257.258)	5.947.096
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	7.826.568
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(30.779.933)	(189.071.872.886)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	189.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.047	36.962
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		132.047	189.000.036.962
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Mẫu số: B03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(30.647.886)	(71.835.924)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	68.083.299	139.919.223
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	37.435.413	68.083.299

Người lập biểu

Đường Thị Thu Giang

Phụ trách kế toán

Đường Thị Thu Giang

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Hoàng Trọng Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

Mẫu số: B09a-DN/HN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Damac GLS (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH và Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản HAMICO) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700189368 ngày 13/09/2000 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Từ khi đi vào hoạt động đến nay Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh 23 lần, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 05/09/2019. Theo đó các thông tin về Công ty như sau:

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh : 575.096.750.000 VND
 Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 : 575.096.750.000 VND

Trụ sở chính tại: Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến đá; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình; Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Mua bán thực phẩm nông sản...

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có****6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần DAMAC GREEN	Đường Nguyễn Chí Thanh, Tổ 4, Phường Phan Xi Păng, Thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	80,00%	80,00%	80,00%	80,00%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán: Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân Đối kế toán hợp nhất.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chi tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chi tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:

- + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- + Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- + Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc để cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty và các công ty con, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị của hàng tồn kho bao gồm:

Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;

Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu;

Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể được thực hiện là giá trị bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng hóa khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

c. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

16. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLSSố 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	36.361.075	62.236.954
- Tiền gửi ngân hàng	1.074.338	5.846.345
+ Tiền gửi (VND)	1.074.338	5.846.345
+ Tiền gửi (USD)	-	-
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>37.435.413</u>	<u>68.083.299</u>

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
2.1. Ngắn hạn	58.532.578.125	60.457.676.845
Công ty CP Thương mại Đông Đô Việt	5.084.400.000	5.084.400.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nông lâm nghiệp Thịnh Vượng	25.606.200.000	25.606.200.000
Công ty TNHH AJMAL Việt Nam	15.627.703.125	15.737.303.125
Công ty TNHH Xây dựng TMDV Dũng Hà	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Gia Huy	5.239.440.000	5.239.440.000
Công ty TNHH Đầu tư Bắc Vượng	6.974.835.000	6.974.835.000
Công ty CP Năng lượng và Vật liệu LEG		1.815.498.720
Cộng	<u>58.532.578.125</u>	<u>60.457.676.845</u>

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
3.1. Ngắn hạn	27.193.449.000	27.073.449.014
Công ty TNHH Kết nối Tri thức và Công nghệ	26.977.449.000	26.977.449.000
Các đối tượng khác	96.000.000	96.000.014
3.2. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	1.311.126.220	1.311.126.220
Công ty TNHH ACE.LK	1.311.126.220	1.311.126.220
Cộng	<u>28.504.575.220</u>	<u>28.384.575.234</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLSSố 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1. Ngắn hạn	409.960.596.538	49.327.150.000	509.800.550.000	36.687.630.000
- Tạm ứng	15.390.000.000	-	14.800.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	110.000.550.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác (*)	394.570.596.538	49.327.150.000	385.000.000.000	36.687.630.000
- Phải trả khác (Dư nợ)	-	-	-	-
4.2. Phải thu khác là bên liên quan	128.859.073.294	5.657.721.988	27.852.523.294	-
Công ty TNHH ACE.LK	-	-	27.852.523.294	-
Ông Hoàng Trọng Khánh	128.859.073.294	5.657.721.988	-	-
Cộng	538.819.669.832	54.984.871.988	537.653.073.294	36.687.630.000

Ghi chú:**(*) Khoản phải thu khác bao gồm**

- Hợp đồng hợp tác đầu tư - kinh doanh số 01/2019/GLS-GREEN giữa Công ty CP Đầu tư Công nghiệp và đô thị Sơn Nam với Công ty CP Damac Green. Mục đích hợp tác: Hợp tác kinh doanh cho công ty đi đầu tư phát triển các dự án (cụm công nghiệp Sơn Nam, đầu tư chế biến VLXD, đầu tư vốn lưu động kinh doanh nông sản, đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời...). Thời hạn hợp tác 1 năm bắt đầu từ ngày 08/08/2019 đến hết ngày 08/08/2020, Công ty Cổ phần Damac Green góp 130.000.000.000 đồng. Hai bên gia đến 01/08/2021.	130.000.000.000
Phải thu Công ty CP Năng lượng và Vật liệu LEG theo HĐ số 01/HĐHTKD/DAMAC-LEG. Thời hạn hợp tác 1 năm bắt đầu từ ngày 09/08/2019 đến hết ngày 09/08/2020, Công ty CP DAMAC GLS là 59.000.000.000 đồng, phân chia lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 80%.	59.000.000.000
Phải thu lại của ông Nguyễn Trí Thành giá trị chuyển nhượng phần vốn của Công ty TNHH TM Xăng dầu Đại Việt nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.	60.851.100.000
Phải thu của bà Lê Thị Hạnh Nguyên giá trị chuyển nhượng phần vốn của Công ty TNHH TM Xăng dầu Đại Việt nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.	37.803.200.000
Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 03/2020/DAMAC GLS-SREAL ngày 06/04/2020 giữa Công ty CP Quản lý tài sản SREAL (Bên A) và Công ty CP DAMAC GLS (bên B) về việc đầu tư vào dự án xây dựng hệ thống cửa hàng tiện ích; Bên A góp 4.000.000.000 đồng, Bên B góp 96.000.000.000 đồng. Bên B được hưởng 70% lợi nhuận sau thuế. Thời hạn hợp tác là 01 năm kể từ 06/04/2020, thời hạn có thể kéo dài theo sự thỏa thuận của 02 bên. Thời hạn góp vốn theo nhu cầu sử dụng vốn từng giai đoạn. Ngày 06/05/2020, ký Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03/2020/PLGLS-SREAL về việc thay đổi kinh phí đầu tư vào dự án xây dựng hệ thống cửa hàng tiện ích; Bên A góp 4.000.000.000 đồng, Bên B góp 180.000.000.000 đồng. Bên B được hưởng 70% lợi nhuận sau thuế.	106.915.508.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận

Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/UTĐT/GLS-HTK và Phụ lục Hợp đồng số 02/HDUTĐT/GLS-HTK ngày 10/07/2020 giữa Ông Hoàng Trọng Khánh (bên A) và Công ty CP DAMAC GLS (bên B) về việc bên B ủy thác cho bên A đầu tư Khu công nghiệp và các thành phố phát triển. Bên A được hưởng 10% và bên B được hưởng 90% lợi nhuận.

Phải thu khác ông Hoàng Trọng Khánh
Các khoản phải thu khác

110.000.000.000
18.859.073.294
788.538

5 . NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	204.430.526.639	104.688.772.734	202.601.126.220	162.612.933.110
<i>Chi tiết:</i>				
+ Phải thu khách hàng	58.532.578.125	28.249.409.062	109.600.000	54.800.000
+ Phải thu khác	117.513.373.294	62.528.501.306	196.096.000.000	159.360.370.000
+ Trả trước cho người bán	28.384.575.220	13.910.862.366	6.395.526.220	3.197.763.110
Cộng	204.430.526.639	104.688.772.734	202.601.126.220	162.612.933.110

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	-	-	1.112.702	-
Cộng	-	-	1.112.702	-

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 đồng.

- Lý do trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	41.544.364	41.544.364
Số tăng trong kỳ	-	-
- Mua trong kỳ	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-
- Tăng khác	-	-
Số giảm trong kỳ	41.544.364	41.544.364
- Chuyển sang BĐS đầu tư, hàng hóa BĐS	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	41.544.364	41.544.364
- Giảm khác (hợp nhất)	-	-
Số dư cuối kỳ		
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	41.544.364	41.544.364
Số tăng trong kỳ	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
Số giảm trong kỳ	41.544.364	41.544.364
- Chuyển sang BĐS đầu tư, hàng hóa BĐS	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	41.544.364	41.544.364
- Giảm khác (hợp nhất)	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

8 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
8.1. Ngắn hạn	-	-	-	-
8.2. Phải trả người bán là bên liên quan	15.226.925.000	15.226.925.000	15.226.925.000	15.226.925.000
Công ty TNHH ACE.LK	15.226.925.000	15.226.925.000	15.226.925.000	15.226.925.000
Cộng	15.226.925.000	15.226.925.000	15.226.925.000	15.226.925.000

9 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Ngắn hạn	
Kinh phí công đoàn	4.095.200	4.095.200
Cộng	4.095.200	4.095.200

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**10.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	575.096.750.000	-	-	16.722.383.272	16.247.883.395	608.067.016.667
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(37.593.114.607)	(431.443.013)	(38.024.557.620)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	575.096.750.000	-	-	(19.622.847.940)	14.568.556.987	570.042.459.047
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	(52.424.047.798)	(8.246.797.486)	(60.670.845.284)
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	575.096.750.000	-	-	(72.046.895.738)	6.321.759.501	509.371.613.763

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLSSố 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội

10.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	575.096.750.000	575.096.750.000
Cộng	<u>575.096.750.000</u>	<u>575.096.750.000</u>

10.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	575.096.750.000	575.096.750.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ này	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ này	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ này	575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		

10.4. Cổ phiếu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.509.675	57.509.675
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu phổ thông	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu phổ thông	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

10.5. Các quỹ của doanh nghiệp	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Đơn vị tính: VND***1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
1.1. Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.172.005	60.548.273.382
Cộng	1.172.005	60.548.273.382

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.112.702	60.174.369.394
Cộng	1.112.702	60.174.369.394

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	32.047	36.962
Cộng	32.047	36.962

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài chính khác		66.000
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính (hoàn nhập dự phòng)	-	(2.523.628.783)
Cộng		(2.523.562.783)

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	100.000	-
Các khoản khác	-	432.966
Cộng	100.000	432.966

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản tiền nộp phạt kể cả vi phạm hành chính	3.226.160	90.751.476

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLSSố 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Cộng****3.226.160****90.751.476****7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
7.1. Chi phí bán hàng	-	-
7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.667.810.474	40.831.742.843
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.403.411	1.713.546
Chi phí nhân công	439.537.000	351.963.600
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dự phòng	59.753.560.795	38.462.873.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	464.935.368	1.966.523.609
Chi phí khác bằng tiền	1.373.900	42.668.978
Cộng	60.667.810.474	40.831.742.843

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.403.411	1.713.546
Chi phí nhân công	439.537.000	351.963.600
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dự phòng	59.753.560.795	38.462.873.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	464.935.368	1.966.523.609
Chi phí bằng tiền khác	1.373.900	42.668.978
Cộng	60.667.810.474	40.831.742.843

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(60.670.845.284)	(38.024.557.620)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(60.670.845.284)	(38.024.557.620)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	57.509.675	57.509.675
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.055)	(661)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Damac GLS không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Damac GLS không phát sinh các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Báo cáo bộ phận theo vị trí địa lý:

Khoản mục	Hà Nội	Lào Cai	Tổng cộng
Doanh thu thuần			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.172.005		1.172.005
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			
Cộng	1.172.005	-	1.172.005
Giá vốn			
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	1.112.702		1.112.702
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận			
Cộng	1.112.702	-	1.112.702
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	59.303	-	59.303
Doanh thu hoạt động tài chính	27.916	4.131	32.047
Chi phí tài chính	-	-	-
Chi phí bán hàng	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.433.818.911	41.233.991.563	60.667.810.474
Thu nhập khác	100.000		100.000
Chi phí khác	3.226.160		3.226.160
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-
Tổng lợi nhuận sau thuế	(19.436.857.852)	(41.233.987.432)	(60.670.845.284)
Tổng chi phí mua tài sản	-	-	-
Tài sản bộ phận	341.610.920.895	184.635.416.418	526.246.337.313
Tài sản không phân bổ			
Tổng tài sản	341.610.920.895	184.635.416.418	526.246.337.313
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-
Nợ phải trả bộ phận phân bổ	272.933.200	16.601.790.350	16.874.723.550
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng cộng nợ	272.933.200	16.601.790.350	16.874.723.550

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Khánh Toàn	Tổng Giám đốc	-	71.145.000
Bà Đinh Khánh Ly	Trưởng BKS	8.785.000	28.900.000
Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên BKS	-	11.895.000
Bà Đường Thị Thu Giang	Kế toán trưởng	49.122.000	-
Cộng		57.907.000	111.940.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác	128.859.073.294	-
Ông Hoàng Trọng Khánh	128.859.073.294	-

2.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Damac Green	Công ty con	80,00%
Công ty TNHH ACE.LK	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty TNHH ACE.LK	Bù trừ công nợ	137.853.073.294

Cho đến ngày 31/12/2020, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH ACE.LK	Ký quỹ	-	27.852.523.294
	Trả trước người bán	1.311.126.220	1.311.126.220
	Phải trả người bán	15.226.925.000	15.226.925.000

3. Thông tin về hoạt động liên tục

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4 . Thông tin so sánh

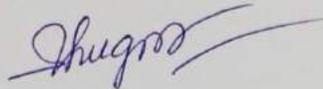
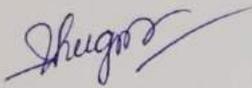
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Đường Thị Thu Giang

Đường Thị Thu Giang

Hoàng Trọng Khánh

Số: 1004A/2021/Damac GLS-CV

(V/v: Giải trình về chênh lệch số liệu BCTC năm
2020 trước, sau kiểm toán và chênh lệch BCTC
năm 2020 – năm 2019)

-----000-----

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Damac GLS

Mã chứng khoán: KSH

Trụ sở chính: Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243.9364695

Trước tiên, Công ty Cổ phần Damac GLS xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Quý cơ quan trong thời gian qua.

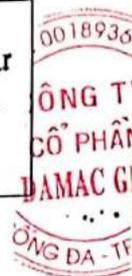
Qua BCTC của Công ty CP Damac GLS được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt, chúng tôi xin làm rõ vấn đề chênh lệch giữa số liệu Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 chưa được kiểm toán và đã được kiểm toán cùng với đó Công ty giải trình chênh lệch giữa Báo cáo tài chính năm 2020 và năm 2019 đã được kiểm toán như sau:

I. Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 chưa được kiểm toán và đã được kiểm toán

Công ty Cổ phần Damac GLS xin giải trình như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
I	Bảng cân đối kế toán				
1	Phải thu ngắn hạn khác	668.819.669.832	538.818.669.832	(130.000.000.000)	Kiểm toán điều chỉnh để triệt tiêu các khoản nội bộ
2	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	0	29.573.099.146	29.573.099.146	Trích dự phòng đầu tư Công ty con (Damac Green)
3	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(39.988.193.110)	(99.741.753.905)	(59.753560.795)	Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

4	Chi phí phải trả ngắn hạn	0	240.000.000	240.000.000	Trích chi phí kiểm toán năm 2020
5	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	(20.054.290.953)	(19.622.847.940)	431.443.013	Giảm vốn cổ đông không kiểm soát
6	Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	(90.243.944.430)	(52.424.047.798)	37.819.896.632	Hoàn nhập công ty con + lợi ích cổ đông không kiểm soát năm 2020
II Báo cáo kết quả kinh doanh					
1	Chi phí tài chính	0	29.573.099.146	29.573.099.146	Trích dự phòng đầu tư Công ty con (Damac Green)



II. Giải trình chênh lệch giữa Báo cáo tài chính năm 2020 và năm 2019

Công ty Cổ phần Damac GLS xin giải trình như sau:

1. BCTC riêng

Khoản mục	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(49.009.956.998)	(35.867.342.556)	(13.142.614.442)

Theo báo cáo KQKD năm 2020 lợi nhuận sau thuế TNDN là (49.009.956.998) đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 là (35.867.342.556) đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 giảm 13.142.614.442 đồng so với năm 2019. Nguyên nhân do năm 2020 tiến hành trích lập dự phòng đầu tư Công ty con 29.573.099.146 đồng.

2. BCTC hợp nhất

Khoản mục	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(60.670.845.284)	(38.024.557.620)	(22.646.287.664)

Theo báo cáo KQKD hợp nhất năm 2020 lợi nhuận sau thuế TNDN là (60.670.845.284) đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 là (38.024.557.620) đồng, chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 giảm 22.646.287.664 đồng so với năm 2019. Nguyên nhân do năm 2020 tiến hành trích lập dự phòng đầu tư Công ty con 29.573.099.146 đồng.

Trên đây là những giải trình của Công ty Cổ phần Damac GLS liên quan đến BCTC năm 2020

Công ty rất mong nhận được sự quan tâm của quý cơ quan.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Trọng Khánh

